ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 77 /2026/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số: 35/2018/QH14, 61/2024/QH15, 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 437/TTr-SNNMT ngày 25/5/2026 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 277/BC-STP ngày 22/5/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

tỉnh Quảng Ngãi *(được Quyết định tiếp tục áp dụng tại STT 26 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh)* hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có biển; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Tâm Hiển

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Vụ pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP Tạ Văn Lực, CNXD;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.NQ

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về Quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 77/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mục tiêu, nội dung và trách nhiệm quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu có biển trong công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển và các tổ chức, cá nhân có hoạt động thuộc khu vực được thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Mục tiêu

Quản lý hành lang bảo vệ bờ biển nhằm bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ, bảo tồn các giá trị di sản văn hóa ven biển; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển, đồng thời cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp; bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 4. Hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi là dải đất ven biển được quản lý, bảo vệ theo Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển và Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển (bao gồm ranh giới trong và ranh giới ngoài) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển gồm:

a) Báo cáo tổng hợp Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi;

b) Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi, tỷ lệ 1/10.000.

Điều 5. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được cắm dọc theo ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển trên thực địa; ở các vị trí thuận lợi, ổn định, gần đường ranh giới trong, được mô tả rõ khoảng cách, phương vị từ vị trí này đến vị trí ranh giới trong đã được thiết kế trên bản đồ. Quy cách mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật theo quy định hiện hành.

2. Hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển gồm:

a) Bản đồ vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi, tỷ lệ 1/10.000;

b) Sơ đồ và bảng thống kê vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển.

3. Quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

a) Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới;

b) Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hàng năm và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, đảm bảo đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ được lưu giữ.

Điều 6. Điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển

Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được bổ sung theo quy định tại Điều 35a Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 7. Điều chỉnh Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển

Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển được điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Các hoạt động bị nghiêm cấm, bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 24 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13.

2. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 25 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 và Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Lưu giữ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển và hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo và Quy định này;

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

d) Định kỳ, tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng;

đ) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

e) Tham mưu UBND tỉnh: Điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại Điều 6 Quy định này; điều chỉnh Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại Điều 7 Quy định này;

g) Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu tình hình quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển về Ủy ban nhân dân tỉnh; kịp thời báo cáo những vấn đề phát sinh để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý theo quy định.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND các xã, phường, đặc khu có biển thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên chưa khai thác, sử dụng trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển thuộc phạm vi quản lý.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu có biển có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP và Quy định này;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong hành lang bảo vệ bờ biển cần bảo vệ các cảnh quan tự nhiên theo quy định của Luật Di sản văn hóa; bảo tồn và bảo vệ hệ sinh thái biển; giảm thiểu các hoạt động gây xói lở bờ biển; đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động trong hành lang bảo vệ bờ biển đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, đặc khu có biển

1. Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13; khoản 3 Điều 43 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 7 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP và điểm b khoản 3 Điều 9 Quy định này.

2. Tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động trong hành lang bảo vệ bờ biển, đảm bảo không để xảy ra tình trạng lấn chiếm, làm hư hại mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và cảnh quan tự nhiên, hạn chế tình trạng mất mốc xảy ra trên địa bàn.

3. Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu tình hình quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) trước ngày 05 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp.

Điều 11. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP và Quy định này.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu có biển trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có biển phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để tổng hợp, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.